



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam

AFC Vietnam Auditing Co., Ltd

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế

Member firm of PKF International

PKF

Accountants &
business advisers

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tech - Vina tên giao dịch quốc tế Tech - Vina Joint Stock Company (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Tech - Vina hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0104230142 ngày 28/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/06/2018 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

- Trụ sở chính : Thôn gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Hoàng Văn Hải	Chủ tịch	
Bà Trần Thúy Nga	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2020
Ông Hoàng Minh Thái	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2020
Ông Phùng Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2020
Ông Phạm Trần Thanh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2020

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thủy Dung	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Triệu Thị Mùi	Thành viên	
Bà Hoàng Thị Lệ Tuyết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/04/2020
Bà Trần Thúy Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/04/2020

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hoàng Văn Hải	Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn Hải - Giám đốc (sinh ngày 24/04/1984; Dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 024084000088 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21/10/2014; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 32, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam).

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

6. Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

7. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

8. Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Hoàng Văn Hải

Giám đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 08 tháng 02 năm 2021



Số: 027/2021/BCKT-PB.00321

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tech - Vina

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tech - Vina (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 02 năm 2021, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



LÊ VIỆT CƯỜNG

Phó Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2478 - 2018 - 009 - 1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
- CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 18 tháng 03 năm 2021

PHẠM TUẤN VŨ

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán

Số: 2030 - 2018 - 009 - 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.171.530.074	53.564.726.652
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	160.002.243	870.373.800
1. Tiền	111		160.002.243	870.373.800
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.486.381.449	11.850.652.838
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	2.349.205.970	6.673.176.706
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	337.001.642	4.447.874.267
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	800.173.837	729.601.865
IV. Hàng tồn kho	140	5.5	36.700.745.750	40.700.293.306
1. Hàng tồn kho	141		36.700.745.750	40.700.293.306
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.824.400.632	143.406.708
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	314.263.981	141.143.062
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.507.373.005	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.12	2.763.646	2.263.646
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.767.285.942	33.323.993.842
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		38.290.869.991	24.421.506.014
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	30.931.086.436	16.038.345.839
- Nguyên giá	222		43.439.936.274	25.594.821.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.508.849.838)	(9.556.475.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.8	7.359.783.555	8.383.160.175
- Nguyên giá	225		8.954.545.455	8.954.545.455
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.594.761.900)	(571.385.280)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	4.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.9	-	4.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.476.415.951	4.402.487.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	4.476.415.951	4.402.487.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		84.938.816.016	86.888.720.494

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		18.830.809.235	21.386.989.289
I. Nợ ngắn hạn	310		18.830.809.235	21.386.989.289
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.217.943.345	4.675.613.738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	281.151.000	2.417.279.635
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	541.871.928	1.092.242.436
4. Phải trả người lao động	314		-	167.884.054
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	73.126.562	43.485.213
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	164.073.723	150.619.544
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	16.106.275.176	12.393.497.168
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		446.367.501	446.367.501
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		66.108.006.781	65.501.731.205
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.16	66.108.006.781	65.501.731.205
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.500.000.000	60.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		446.367.502	446.367.502
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.161.639.279	4.555.363.703
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.555.363.703	6.081.157.189
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		606.275.576	(1.525.793.486)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		84.938.816.016	86.888.720.494



Người lập biểu

Hà Thị Oanh

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 08 tháng 02 năm 2021



Kế toán trưởng

Hà Thị Oanh



Giám đốc

Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 02 - DN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	28.655.822.080	54.197.692.676
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	1.012.513.632
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		28.655.822.080	53.185.179.044
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	22.865.569.204	46.883.756.703
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.790.252.876	6.301.422.341
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	106.162.369	71.797.180
7. Chi phí tài chính	22	6.5	837.056.917	1.261.729.228
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		740.347.284	1.112.954.903
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	1.446.423.566	2.583.852.053
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	2.945.324.532	3.652.730.094
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		667.610.230	(1.125.091.854)
11. Thu nhập khác	31	6.8	309.602.705	196.498.281
12. Chi phí khác	32	6.9	332.037.478	201.700.532
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(22.434.773)	(5.202.251)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		645.175.457	(1.130.294.105)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	38.899.881	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		606.275.576	(1.130.294.105)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	100	(187)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	100	(187)

[Signature]

[Signature]



Người lập biểu

Hà Thị Oanh

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 08 tháng 02 năm 2021

Kế toán trưởng

Hà Thị Oanh

Giám đốc

Hoàng Văn Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tech - Vina hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0104230142 ngày 28/10/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 15/06/2018 do phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Thôn gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 60.500.000.000 VND (Sáu mươi tỷ năm trăm triệu đồng chẵn); Tổng số cổ phần là 6.050.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND/01 cổ phần. Số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2020 là 60.500.000.000 VND (Sáu mươi tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất tinh dầu quế, sản xuất mùn cưa từ bã thải của hệ thống chiết suất tinh dầu quế và kinh doanh các mặt hàng liên quan đến tinh dầu, cà phê thóc, than đốt, găng tay phủ nhựa, màng xốp,....

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm rạ và vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm).

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập bởi Công ty đảm bảo tính so sánh thông tin.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 14 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 09 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - (i) 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
 - (ii) 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
 - (iii) 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
 - (iv) 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	08

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

4.13 Giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.14 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	53.833.858	836.043.046
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	106.168.385	34.330.754
Cộng	160.002.243	870.373.800

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan	-	3.273.139.487
Công ty Cổ phần Techvina NAC		3.273.139.487
Phải thu của khách hàng	2.349.205.970	3.400.037.219
Công ty TNHH ABB- chi nhánh Bắc Ninh	208.054.000	374.992.750
New Directions Aromatics., Inc	-	129.149.100
Xiamen Oamic	-	1.792.180.500
A.C.S. INTERNATIONAL GMBH	174.052.420	-
JOH. VOGELE KG	239.616.000	-
AGREVILLE	230.500.000	-
BERNARDI S.A.S.U	663.840.000	-
General Sales Co. (PVT) LTD	782.000.450	-
Các đối tượng khác	51.143.100	1.103.714.869
Cộng	2.349.205.970	6.673.176.706

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	337.001.642	4.447.874.267
Công ty TNHH Xây dựng và phát triển Ngọc Linh	300.000.000	-
Công ty TNHH Tràm Dược	-	100.010.000
Đào Thị Lụa	-	340.459.300
Đỗ Quang Hạnh	-	545.473.400
Bàn Thị Hồng	-	484.944.000
Bàn Văn Sinh	-	484.812.000
Lê Văn Xuyên	-	609.480.600
Trần Xuân Thành	-	747.390.900
Phạm Văn Biên	-	546.440.900
Nguyễn Văn Phong	-	424.000.400
Các đối tượng khác	37.001.642	164.862.767
Cộng	337.001.642	4.447.874.267

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	800.173.837	-	729.601.865	-
Ký cược, ký quỹ	725.000.000	-	492.500.000	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ theo hợp đồng thuê tài chính	65.293.565	-	227.221.593	-
Phải thu khác	9.880.272	-	9.880.272	-
Cộng	800.173.837	-	729.601.865	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	10.345.747.567	-	2.557.375.984	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	3.677.103	-	11.594.787	-
Thành phẩm tồn kho	23.628.045.751	-	33.681.197.527	-
Hàng hóa tồn kho	2.723.275.329	-	4.450.125.008	-
Cộng	36.700.745.750	-	40.700.293.306	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.6 Chi phí trả trước**5.6.1. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí sửa chữa	60.313.714	-
Chi phí thuê nhà xưởng	132.198.925	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	113.420.964	141.143.062
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.330.378	-
Cộng	314.263.981	141.143.062

5.6.2. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí san lấp mặt bằng nhà máy sản xuất tinh dầu quế	3.688.679.980	3.934.591.984
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	740.699.542	376.302.723
Chi phí mua bảo hiểm	18.933.897	91.593.121
Chi phí sửa chữa	11.395.830	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	16.706.702	-
Cộng	4.476.415.951	4.402.487.828

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư tại ngày 01/01/2020	12.687.277.403	9.075.619.536			3.579.562.728		252.361.818		25.594.821.485	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	121.316.194	10.444.416.263			-		-		10.565.732.457	
- Mua trong năm	-	8.718.838.566			-		-		8.718.838.566	
- Tặng khác	-	117.518.786			313.363.364		-		430.882.150	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-			(1.009.090.909)		-		(1.009.090.909)	
- Giảm khác	-	(861.247.475)			-		-		(861.247.475)	
Số dư tại ngày 31/12/2020	12.808.593.597	27.495.145.676			2.883.835.183		252.361.818		43.439.936.274	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư tại ngày 01/01/2020	2.680.695.982	5.326.770.648			1.327.684.559		221.324.457		9.556.475.646	
- Khấu hao trong năm	654.898.744	1.964.178.306			341.706.041		85.249.984		3.046.033.075	
- Tặng khác	-	16.407.372			2.031.059		-		18.438.431	
- Thanh lý, nhượng bán	-	-			(106.515.155)		-		(106.515.155)	
- Giảm khác	-	(5.582.159)			-		-		(5.582.159)	
Số dư tại ngày 31/12/2020	3.335.594.726	7.301.774.167			1.564.906.504		306.574.441		12.508.849.838	
Giá trị còn lại										
- Tại ngày 01/01/2020	10.006.581.421	3.748.848.888			2.251.878.169		31.037.361		16.038.345.839	
- Tại ngày 31/12/2020	9.472.998.871	20.193.371.509			1.318.928.679		(54.212.623)		30.931.086.436	
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:										
- Tại ngày 01/01/2020	-	1.247.483.777			-		-		1.247.483.777	
- Tại ngày 31/12/2020	-	3.335.993.777			145.000.000		-		3.480.993.777	
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay										
- Tại ngày 01/01/2020	-	-			1.263.809.988		-		1.263.809.988	
- Tại ngày 31/12/2020	-	-			1.025.005.452		-		1.025.005.452	

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN**5.8 Tài sản cố định thuê tài chính**

	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Cộng</i>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2020	8.954.545.455	8.954.545.455
- Mua trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>8.954.545.455</u>	<u>8.954.545.455</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2020	571.385.280	571.385.280
- Khấu hao trong năm	1.023.376.620	1.023.376.620
Số dư tại ngày 31/12/2020	<u>1.594.761.900</u>	<u>1.594.761.900</u>
Giá trị còn lại		
- Tại ngày 01/01/2020	8.383.160.175	8.383.160.175
- Tại ngày 31/12/2020	<u>7.359.783.555</u>	<u>7.359.783.555</u>

Thông tin chi tiết về tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính là Hệ thống chiết xuất tinh dầu thuê của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Chilease theo Hợp đồng cho thuê tài chính số C190522012 ngày 25/05/2019 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Tài sản thuê là Hệ thống chiết xuất tinh dầu với giá trị là 9.850.000.000 VND, trong đó: Số tiền trả trước: 6.402.500.000, Giá trị thuê là 3.447.500.000 VND;
- Thời hạn thuê là 24 tháng;
- Tổng số tiền phải trả trong năm 2020 là : 1.932.623.007 VND trong đó số tiền gốc phải trả là: 1.781.208.328 VND, lãi vay phải trả là: 151.414.679 VND;
- Tài sản thuê tài chính được đảm bảo bằng khoản ký cược, ký quỹ với số tiền là 492.500.000 VND và các thư bảo lãnh được phát hành bởi ông Hoàng Văn Hải;
- Nếu hết thời hạn thuê, trong trường hợp không xảy ra các hành vi vi phạm hợp đồng giữa các bên đồng thời các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ trong hợp đồng, Công ty Cổ phần Tech – Vina có quyền mua lại Tài sản thuê tài chính là máy móc thiết bị đã thuê với giá trị bằng giá trị còn lại của tài sản tương đương 78.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2020			01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND
Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	(i)	4.500.000.000	(i)
Công ty Cổ phần Tech - Vina NAC (ii)	-	-	(i)	4.500.000.000	(i)
Cộng	-	-	-	4.500.000.000	-

(i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá trị niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(ii) Trong năm 2020, toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Tech - Vina NAC thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tech - Vina (tổng số cổ phần 450.000 cổ phần) được chuyển nhượng cho ông Đàm Minh Đức theo nghị quyết số 02/2020/CET/NQ-HĐQT ngày 02/06/2020 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tech - Vina. Giá chuyển nhượng bằng với mệnh giá: 10.000 VND/cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các bên liên quan	174.322.422	174.322.422	-	-
Công ty Cổ phần Techvina NAC	174.322.422	174.322.422	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	1.043.620.923	1.043.620.923	4.675.613.738	4.675.613.738
Thu mua hộ cá nhân Công ty TNHH một thành viên cơ nhiệt và áp lực Hòa Phát	391.875.000	391.875.000	558.296.500	558.296.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp Thăng Lợi	-	-	408.535.000	408.535.000
Hợp tác xã 6-12 Xã Đào Thịnh	-	-	178.768.000	178.768.000
Đình Thị Kiều Trang	-	-	1.810.000.000	1.810.000.000
Vũ Tuấn Trung Công ty TNHH Công nghiệp Tân Vượng	-	-	522.000.000	522.000.000
Phải trả các đối tượng khác	350.475.300	350.475.300	585.413.551	585.413.551
	301.270.623	301.270.623	-	-
Cộng	1.217.943.345	1.217.943.345	4.675.613.738	4.675.613.738

5.11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	281.151.000	2.417.279.635
Essence Elements PVT LTD	-	1.697.405.935
Kunshan Wictive merchants Co LTD	281.151.000	281.151.000
Các đối tượng khác	-	438.722.700
Cộng	281.151.000	2.417.279.635

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.12 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng	460.683.008	-	323.064.275	896.859.774	1.034.478.507	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	21.582.484	21.582.484	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.899.881	-	38.899.881	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	42.289.039	-	1.069.874	16.544.764	57.763.929	-
Thuế môn bài	-	-	4.500.000	4.500.000	-	-
Các loại thuế khác	-	500.000	-	500.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	2.263.646	2.158.800	2.158.800	-	2.263.646
Cộng	541.871.928	2.763.646	391.275.314	942.145.822	1.092.242.436	2.263.646

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Về ưu đãi miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020

Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 15 năm (kể từ năm 2013 đến năm 2027) và được thực hiện miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời gian 04 năm (kể từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư Nhà máy Chiết suất tinh dầu quế tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013-NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp." Công ty tính thuế TNDN theo các mức thuế suất như sau:

- Miễn giảm 50% số thuế TNDN ở mức thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% từ hoạt động bán thành phẩm sản xuất từ dự án đầu tư Nhà máy Chiết suất tinh dầu quế tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Thuế suất thuế TNDN 20% đối với các hoạt động khác.

Căn cứ theo khoản 1 điều 2 Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc Hội về giảm Thuế thu nhập doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác: "Giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng"

Theo đó, Công ty Cổ phần Tech - Vina được miễn giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế TNDN năm 2020 do tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí lãi vay trích trước	38.126.562	43.485.213
Trích trước chi phí kiểm toán	35.000.000	-
Cộng	73.126.562	43.485.213

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	164.073.723	150.619.544
Kinh phí công đoàn	26.150.345	28.293.970
Bảo hiểm xã hội	8.670.000	4.612.038
Bảo hiểm y tế	3.051.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	693.600	-
Phải trả Công ty Gremerit Holding Limited	5.340.160	5.340.160
Văn phòng đại diện Netherlands Development Org Việt Nam	98.248.556	98.248.556
Đoàn phí công ty	12.906.830	6.235.000
Các đối tượng khác	9.013.232	7.889.820
Cộng	164.073.723	150.619.544

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo ThẮng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	16.106.275.176	16.106.275.176	31.024.769.228	25.530.782.892	12.393.497.168	12.393.497.168
Công ty TNHH Kỹ thuật xây dựng Hà Nội (i)	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Hội sở giao dịch	-	-	6.278.485.478	7.767.375.938	1.488.890.460	1.488.890.460
Ngân hàng TMCP An Bình (ii)	6.138.046.000	6.138.046.000	14.996.283.750	17.163.406.954	8.305.169.204	8.305.169.204
Vay cán bộ công nhân viên (iii)	9.150.000.000	9.150.000.000	9.750.000.000	600.000.000	-	-
Nợ thuê tài chính ngắn hạn	718.229.176	718.229.176	-	1.781.208.328	2.499.437.504	2.499.437.504
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Chailease (iv)	718.229.176	718.229.176	-	1.781.208.328	2.499.437.504	2.499.437.504
Cộng	16.106.275.176	16.106.275.176	31.024.769.228	27.311.991.220	12.393.497.168	12.393.497.168

Thông tin chi tiết của các khoản vay và nợ thuê tài chính

(i) Khoản vay theo Khế ước nhận nợ số 06/2019/KU-CET ký ngày 18/09/2019 và Khế ước nhận nợ số 07/2019/KU-CET ngày 02/10/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - Lãi suất: 0%/năm;
 - Thời hạn vay: 6 tháng tính từ ngày nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2020 là 100.000.000 VND.

(ii) Hợp đồng hạn mức cho vay số 3977/19/TD-TT/II.30 ngày 19/09/2018 giữa Công ty Cổ phần Tech - Vina và Ngân hàng TMCP An Bình với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức cho vay: 10.000.000 VND;
 - Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động chính trong lĩnh vực chiết khấu và thương mại thảo dược tự nhiên;
 - Thời gian: 12 tháng;
 - Lãi suất: Quy định cụ thể tại từng Giấy nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tính đến thời điểm 31/12/2020 là 264.000 USD tương đương 6.122.607.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai,

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

(iii) Bao gồm 04 khế ước nhận nợ tiền vay:

(1) Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Tech - Vina và Bà Nguyễn Thu Thủy theo Khế ước nhận nợ vay tiền ký ngày 06/05/2020:

- Số tiền vay: 850.000.000 VND;
- Thời hạn vay: đến hết ngày 06/05/2021;
- Lãi suất: 0%/tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Số dư nợ gốc của khoản vay tại thời điểm 31/12/2020 là 650.000.000 VND.

(2) Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Tech - Vina và Bà Nguyễn Thu Thủy theo Khế ước nhận nợ vay tiền ký ngày 02/06/2020:

- Số tiền vay: 800.000.000 VND;
- Thời hạn vay: đến hết ngày 02/06/2021;
- Lãi suất: 0%/tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Số dư nợ gốc của khoản vay tại thời điểm 31/12/2020 là: 800.000.000 VND.

(3) Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Tech - Vina và Bà Nguyễn Thu Thủy theo Khế ước nhận nợ vay tiền ký ngày 11/06/2020:

- Số tiền vay: 1.900.000.000 VND;
- Thời hạn vay: đến hết ngày 11/06/2021;
- Lãi suất: 0%/tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Số dư nợ gốc của khoản vay tại thời điểm 31/12/2020 là 1.900.000.000 VND.

(4) Khoản vay giữa Công ty Cổ phần Tech - Vina và Bà Nguyễn Thu Thủy theo Khế ước nhận nợ vay tiền ký ngày 01/07/2020:

- Số tiền vay: 5.800.000.000 VND;
- Thời hạn vay: đến hết ngày 01/07/2021;
- Lãi suất: 0%/tháng;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Số dư nợ gốc của khoản vay tại thời điểm 31/12/2020 là: 5.800.000.000 VND.

(iv) Hợp đồng cho thuê tài chính số C190552012 ngày 24/5/2019 giữa Công ty Cổ phần Tech - Vina và Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Chaillease:

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- Lãi suất: 9,1%/năm, tiền lãi được thanh toán vào ngày 25 hàng tháng theo thông báo bắt đầu thuê;
- Số dư nợ gốc của khoản nợ tại thời điểm 31/12/2002 là 718.229.176 VND.
- (Thông tin tài sản có định thuê tài chính được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số 5.8).

Vay và nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Góc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo ThẮng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu**5.16.1. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
Năm trước						
Số dư tại ngày 01/01/2019	60.500.000.000	446.367.502	5.731.270.116	66.677.637.618		
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm trước	-	-	(1.175.906.413)	(1.175.906.413)		
Lỗi trong năm trước	-	-	(1.130.294.105)	(1.130.294.105)		
Giảm khác	-	-	(45.612.308)	(45.612.308)		
Số dư tại ngày 31/12/2019	60.500.000.000	446.367.502	4.555.363.703	65.501.731.205		
Năm nay						
Số dư tại ngày 01/01/2020	60.500.000.000	446.367.502	4.555.363.703	65.501.731.205		
Tăng trong năm nay	-	-	606.275.576	606.275.576		
Lãi trong năm	-	-	606.275.576	606.275.576		
Giảm trong năm	-	-	-	-		
Số dư tại ngày 31/12/2020	60.500.000.000	446.367.502	5.161.639.279	66.108.006.781		

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.16.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ông Hoàng Văn Hải	-	6.050.000.000
Ông Nguyễn Công Hoan	-	5.885.000.000
Bà Nguyễn Thị Thơm	-	4.400.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Trương Gia	13.215.000.000	-
Ông Dương Văn Nam	5.155.700.000	-
Các cổ đông khác	42.129.300.000	44.165.000.000
Cộng	60.500.000.000	60.500.000.000

5.16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	60.500.000.000	60.500.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

5.16.4. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.050.000	6.050.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.050.000	6.050.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	6.050.000	6.050.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP.

5.16.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm 2020	Ghi chú
	VND	
Lợi nhuận đầu năm chưa phân phối	4.555.363.703	(1)
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay	606.275.576	(2)
Các khoản khác điều chỉnh giảm lợi nhuận	-	(3)
Các khoản khác điều chỉnh tăng lợi nhuận	-	(4)
Lợi nhuận được chia cổ tức và phân phối các quỹ trong năm	5.161.639.279	(5) = (1) + ... + (4)
Phân phối các quỹ và chia cổ tức, trong đó:	-	(6) = (7) + ... + (9)
- Chia cổ tức năm nay	-	(7)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(8)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(9)
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	5.161.639.279	(11) = (5) + (6)

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.16.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	446.367.502
Cộng	446.367.502	446.367.502

5.17 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngoại tệ các loại		
- Dollar Mỹ (USD)	63,25	69,37
- Euro (EUR)	50,80	-

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	7.608.277.350	3.209.109.792
Doanh thu bán thành phẩm	20.927.544.730	50.988.582.884
Doanh thu cung cấp dịch vụ	120.000.000	-
Cộng	28.655.822.080	54.197.692.676
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết Thuyết minh số 9.1.2)	-	14.310.247.788

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	47.452.464
Giảm giá hàng bán	-	505.578.168
Hàng bán bị trả lại	-	459.483.000
Cộng	-	1.012.513.632

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn hàng bán hóa	623.926.019	1.406.047.433
Giá vốn bán thành phẩm	22.161.643.185	45.477.709.270
Giá vốn cung cấp dịch vụ	80.000.000	-
Cộng	22.865.569.204	46.883.756.703

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	132.619	2.304.132
Lãi chênh lệch tỷ giá	104.107.500	69.493.048
Lãi bán ngoại tệ	1.428.250	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	494.000	-
Cộng	106.162.369	71.797.180

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	740.347.284	1.112.954.903
Lỗ chênh lệch tỷ giá	94.580.598	148.774.325
Lỗ do bán ngoại tệ	2.129.034	-
Chi phí tài chính khác	1	-
Cộng	837.056.917	1.261.729.228

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	180.679.075	405.225.551
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	167.648.370	14.905.451
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.489.888	15.555.552
Chi phí dịch vụ mua ngoài	920.193.409	1.079.387.702
Chi phí khác bằng tiền	147.412.824	1.068.777.797
Cộng	1.446.423.566	2.583.852.053

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	392.541.428	1.236.475.587
Chi phí vật liệu quản lý	56.042.194	65.028.886
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	139.967.056	42.657.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.297.908.997	764.911.640
Thuế, phí và lệ phí	173.902.999	72.724.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	705.060.952	670.204.630
Chi phí khác bằng tiền	179.900.906	800.727.442
Cộng	2.945.324.532	3.652.730.094

6.8 Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản	-	134.083.933
Thu nhập khác	309.602.705	62.414.348
Cộng	309.602.705	196.498.281

6.9 Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các khoản tiền phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	15.357.151	66.082.219
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản	196.575.754	131.631.665
Lãi vay	-	3.986.648
Phạt vi phạm hợp đồng	9.833.987	-
Chi phí khác	110.270.586	-
Cộng	332.037.478	201.700.532

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh ưu đãi thuế TNDN (i)		
Lợi nhuận kế toán trước thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường	1.828.225.823	1.190.460.755
Các khoản điều chỉnh tăng	215.402.540	67.879.245
Các khoản điều chỉnh giảm	-	417.750
Chuyển lỗ và Bù trừ với hoạt động kinh doanh khác	(1.487.915.780)	(1.257.922.250)
Thu nhập chịu thuế TNDN từ hoạt động sản xuất kinh doanh không hưởng ưu đãi	555.712.583	-
Thuế suất thuế TNDN	10,00%	10,00%
Chi phí thuế TNDN hiện hành đối với hoạt động kinh doanh chính	55.571.258	-
II. Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế TNDN		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.183.050.366)	(2.320.754.860)
Các khoản điều chỉnh tăng	508.122.691	-
Bù trừ với hoạt động SXKD hưởng ưu đãi về thuế TNDN	674.927.675	1.257.922.250
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	(1.062.832.610)
Thuế suất thuế TNDN	20,00%	20,00%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN theo thuế suất không ưu đãi	55.571.259	-
Thuế được ưu đãi miễn giảm trong năm (i)	16.671.378	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	38.899.881	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	-	136.951.252
- Thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh trong năm	-	(29.941.655)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	(107.009.597)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	38.899.881	-

(*) Chính sách ưu đãi về thuế TNDN hiện hành được trình bày chi tiết tại thuyết minh số 5.12

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	606.275.576	(1.130.294.105)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	606.275.576	(1.130.294.105)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (*)	6.050.000	6.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	100	(187)

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	6.050.000	6.050.000
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.050.000	6.050.000

6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:

Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	606.275.576	(1.130.294.105)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	606.275.576	(1.130.294.105)
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	6.050.000	6.050.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	100	(187)

(*) Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	6.050.000	6.050.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	6.050.000	6.050.000

6.13 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Thuế, phí và lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí khác bằng tiền

Cộng

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.359.277.779	96.697.265.734
Chi phí nhân công	1.088.758.314	2.817.197.938
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	799.538.739	532.784.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.845.899.879	3.000.935.445
Thuế, phí và lệ phí	173.902.999	72.724.273
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.504.365.402	2.086.243.085
Chi phí khác bằng tiền	2.477.322.634	3.500.146.748
Cộng	55.249.065.746	108.707.297.335

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường

Cộng

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	31.024.769.228	54.082.970.587
Cộng	31.024.769.228	54.082.970.587

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	27.311.991.220	58.908.770.384
Cộng	27.311.991.220	58.908.770.384

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Các loại công cụ tài chính của Công ty :

A. Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách			
	01/01/2020		31/12/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và tương đương tiền	870.373.800	-	160.002.243	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.402.778.571	-	3.149.379.807	-
Đầu tư dài hạn	4.500.000.000	-	-	-
Cộng	12.773.152.371	-	3.309.382.050	-

B. Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách	
	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND
	Phải trả người bán, phải trả khác	4.826.233.282
Chi phí phải trả	43.485.213	73.126.562
Vay và nợ	12.393.497.168	16.106.275.176
Cộng	17.263.215.663	17.561.418.806

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Tại ngày 01/01/2020	Từ 01 năm	Trên 01 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	trở xuống	đến 05 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	870.373.800	-	-	870.373.800
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.402.778.571	-	-	7.402.778.571
Đầu tư dài hạn	-	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Cộng	8.273.152.371	-	4.500.000.000	12.773.152.371
Tại ngày 31/12/2020	Từ 01 năm	Trên 01 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
	trở xuống	đến 05 năm		
	VND	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	160.002.243	-	-	160.002.243
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.149.379.807	-	-	3.149.379.807
Cộng	3.309.382.050	-	-	3.309.382.050

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Tại ngày 01/01/2020	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	4.826.233.282	-	-	4.826.233.282
Chi phí phải trả	43.485.213	-	-	43.485.213
Vay và nợ	12.393.497.168	-	-	12.393.497.168
Cộng	17.263.215.663	-	-	17.263.215.663

Tại ngày 31/12/2020	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán, phải trả khác	1.382.017.068	-	-	1.382.017.068
Chi phí phải trả	73.126.562	-	-	73.126.562
Vay và nợ	16.106.275.176	-	-	16.106.275.176
Cộng	17.561.418.806	-	-	17.561.418.806

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Danh sách bên liên quan của Công ty

Công ty	Quan hệ
Công ty Cổ phần Tech - Vina NAC	Công ty con

9.1.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập bao gồm tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN	294.624.171	763.874.178
Cộng	294.624.171	763.874.178

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

Các giao dịch khác với thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt:

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có số dư phải thu/phải trả khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

9.1.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan*Giao dịch với các bên liên quan*

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán thành phẩm	-	14.310.247.788
Công ty Cổ phần Tech - Vina NAC - Bán thành phẩm tinh dầu các loại	-	14.310.247.788
Cộng	-	14.310.247.788
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Các giao dịch khác	-	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Tech - Vina NAC - Góp vốn	-	6.234.878.178
Công ty Cổ phần Tech - Vina NAC - Bán máy móc thiết bị và công cụ dụng cụ	-	18.234.878.178
Cộng	-	18.234.878.178

Công nợ với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Công ty không còn có các số dư với các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

9.3 Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TECH - VINA

Thôn Gốc Mít, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

9.6 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Tech - Vina đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc.



Người lập biểu

Hà Thị Oanh

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 08 tháng 02 năm 2021



Kế toán trưởng

Hà Thị Oanh



Giám đốc

Hoàng Văn Hải

Ho Chi Minh City Head Office
2/F Indochina Park Tower,
No. 4 Nguyen Dinh Chieu St.,
Dakao Ward, District 1,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel :+84 82 2200 237
Fax :+84 82 2200 265
Email: pkf.afchcm@pkf.afcvietnam.vn

Can Tho Branch
A1 - 28 Street 6, Cong An Residence,
Thanh Loi Area, Phu Thu Ward,
Cai Rang District,
Can Tho City, Vietnam
Tel :+84 710 382 7888
Fax :+84 710 382 3209
Email: pkf.afcct@pkf.afcvietnam.vn

Northern Branch
Room 707, Sunrise Building,
No. 90 Tran Thai Tong St.,
Dich Vong Hau Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel :0243 2002 016
Email: pkf.afcmb@pkf.afcvietnam.vn

Ha Thanh Branch
12B/F, Hancorp Plaza,
No. 72 Tran Dang Ninh St.,
Dich Vong Ward, Cau Giay Dist.,
Ha Noi City, Vietnam
Tel :+84 43 8373 666
Fax :+84 43 2191 538
Email: pkf.afcht@pkf.afcvietnam.vn

Central Branch
No. 670 Quang Trung St.,
Chanh Lo Ward, Quang Ngai City,
Quang Ngai Province,
Vietnam
Tel :+84 55 3722 447
Fax :+84 55 3722 447
Email: pkf.afcmt@pkf.afcvietnam.vn

www.pkf.afcvietnam.vn